**BÀI 14: MỘT SỐ NHIÊN LIỆU**

**Câu 1:**Thế nào là nhiên liệu?

A. Nhiên liệu là những vật liệu dùng cho quá trình xây dựng.

B. Nhiên liệu là những chất oxi hóa để cung cấp năng lượng cho cơ thể sống.

C. Nhiên liệu là một số chất hoặc hỗn hợp chất được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho các quá trình sản xuất hoặc chế tạo.

D. Nhiên liệu là những chất cháy được để cung cấp năng lượng dưới dạng nhiệt hoặc ánh sáng nhằm phục vụ mục đích sử dụng của con người.

**Câu 2:**Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta **không**dùng biện pháp nào sau đây?

A. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy.

B. Chẻ nhỏ củi.

C. Xếp củi chồng lên nhau, càng sít càng tốt.

D. Phơi củi cho thật khô.

**Câu 3:**Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hóa thạch?

A. Khí tự nhiên.                                          B. Dầu mỏ.

C. Than đá.                                                 D. Ethanol.

**Câu 4:**Người ta khai thác than đá để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện để sản xuất điện. Lúc này, than đá được gọi là

A. nguyên liệu.                                                B. nhiên liệu.

C. vật liệu.                                                        D. vật liệu hoặc nguyên liệu.

**Câu 5:**Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta sử dụng biện pháp nào dưới đây?

A. Tùy nhiệt độ cần thiết để điểu chỉnh lượng gas.

B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.

C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.

D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

**Câu 6:**Nhiên liệu hóa thạch

A. là nguồn nhiên liệu tái tạo.

B. là đá chứa ít nhất 50% xác động và thực vật.

C. là nhiên liệu hình thành từ xác sinh vật bị chôn vùi và biến đổi hàng triệu năm trước.

D. chỉ bao gồm dầu mỏ, than đá.

**Câu 7:** Loại nhiên liệu nào sau đây có năng suất tỏa nhiệt cao, dễ cháy hoàn toàn?

A. Nhiên liệu khí.

B. Nhiên liệu lỏng.

C. Nhiên liệu rắn.

D. Nhiên liệu hóa thạch.

**Câu 8:** Đâu là nguồn năng lượng không thể tái tạo được?

A. Thủy điện.                    B. Năng lượng mặt trời.

C. Năng lượng gió            D. Than đá

**Câu 9:**Để sử dụng nhiên liệu có hiệu quả cần phải cung cấp không khí hoặc oxi:

A. Vừa đủ.

B. Thiếu.

C. Dư.

D. Cả B và C đều đúng.

**Câu 10:** Hãy giải thích tại sao các chất khí dễ cháy hoàn toàn hơn các chất rắn và chất lỏng?

A. Vì chất khí nhẹ hơn chất rắn và chất lỏng.

B. Vì chất khí có nhiệt độ sôi thấp hơn chất rắn và chất lỏng.

C. Vì diện tích tiếp xúc của chất khí với không khí lớn hơn.

D. Vì chất khí có khối lượng riêng lớn hơn chất rắn và lỏng.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **D** | **C** | **D** | **B** | **A** | **C** | **A** | **D** | **A** | **C** |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1.** Kể tên các nhiên liệu thường được dùng trong việc đun nấu và nêu cách dùng nhiên liệu đó ăn toàn, tiết kiệm

**Câu 2**. Hãy cho biết một số tác động đến môi trường khi sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

**Câu 3.** Quan sát việc sử dụng nhiên liệu trong đời sống hằng ngày như bật bếp gas, bật chiếc bật lửa gas, châm lửa đèn dầu, đốt cháy than củi,... Em hãy nhận xét về tính bắt lửa của nhiên liệu gas, dầu, than. Để dập tắt bếp than củi, em làm thế nào?

**Câu 4.** Khi mở nắp bình chứa xăng, dầu, ta ngửi thấy mùi đặc trưng của chúng. Tại sao?

**Câu 5.** Hãy nêu một số nguồn năng lượng khác có thể dùng để thay thế năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1.** Các nhiên liệu thường được dùng trong đun nấu là: khí đốt, than, gỗ.

Cần sử dụng an toàn và tiết kiệm các loại nhiên liệu đó.

**Câu 2.** Sử dụng nhiên liệu hóa thạch tác động tiêu cực đến môi trường: làm ô nhiễm không khí, thải ra môi trường các chất khí độc hại, thải khí cacbonic gây hiệu ứng nhà kính, ...

**Câu 3**. Tính bắt lửa của gas, dầu, than: dễ bắt lửa

Tắt bếp than củi: dùng nước dội làm giảm nhiệt độ sự cháy hoặc phủ cát lên,...

**Câu 4.** Xăng, dầu bay hơi ở nhiệt độ phòng nên ta có thể ngửi thấy mùi đặc trưng của chúng khi mở nắp bình chứa

**Câu 5**.Một số nguồn năng lượng có thể dùng để thay thế năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch:

Năng lượng mặt trời

Năng lượng gió

Năng lượng sinh học

Năng lượng tái tạo: như thủy điện, nhiệt điện, ...

**BÀI 15 MỘT SỐ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

**Câu 1:**Cây trồng nào sau đây **không**được xem là cây lương thực?

A. Lúa mì.                                         B. Ngô.

C. Mía.                                              D. Lúa gạo.

**Câu 2:**Lứa tuổi từ 11-15 tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là

A. chất béo.                              B. protein.

C. calcium.                               D. carbohydrate..

**Câu 3:**Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

A. Thịt.                                                      B. Gạo.

C. Rau xanh.                                               D. Gạo và rau xanh.

**Câu 4:**Gạo sẽ cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?

A. Vitamin.                                            B. Protein (chất đạm).

C. Lipit (chất béo).                                 D. Carbohydrate (chất đường, bột).

**Câu 5:** Thời gian bảo quản trứng tươi trong tủ lạnh là:

A. 1 – 2 tuần.

B. 2 – 4 tuần.

C. 24 giờ.

D. 3 – 5 ngày.

**Câu 6:** Những biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm gồm:

A. Rau, quả, thịt, cá.. phải mua tươi hoặc ướp lạnh.

B. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng.

C. Tránh để lẫn lôn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

**Câu 7:** Nhiệt độ nào là an toàn trong nấu nướng, vi khuẩn bị tiêu diệt ?

A. 80oC – 100oC

B. 100oC - 115oC

C. 100oC - 180oC

D. 50oC - 60oC

**Câu 8:** Bệnh bướu cổ là do thiếu chất khoáng gì?

A. iodine (iot).                          B. calcium (canxi).

C. zinc (kẽm).                          C. phosphorus (photpho).

**Câu 9:** Vitamin nào **không** tan được trong chất béo?

A. Vitamin A.                           B. Vitamin D

C. Vitamin E.                           D. Vitamin B

**Câu 10:** Vitamin tốt cho mắt là

A.Vitamin A.                           B. Vitamin D

C. Vitamin K.                          D. Vitamin B

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **C** | **C** | **A** | **D** | **B** | **D** | **B** | **A** | **D** | **A** |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1.** Trả lời câu hỏi:

a) kể tên 1 số Lương thực, thực phẩm nào có nguồn gốc từ thực vật? từ động vật?

b) Lương thực, thực phẩm nào có thể ăn sống? phải nấu chín?

**Câu 2.** Tại sao cần phải bảo quản lương thực, thực phẩm đúng cách?

**Câu 3**. Nhóm carbohydrate có vai trò gì đối với cơ thể?

**Câu 4**. Em hãy đề xuất cách bảo quản lương thực khô ( gạo, ngô, khoai, sắn) và lương thực đã được nấu chính ( cơm, cháo)

**Câu 5.** Hãy tìm hiểu và cho biết những mặt tốt và mặt xấu của lipid đối với sức khỏe con người.

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1**.a) Lương thực, thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật: gạo, ngô, khoai lang, mía, hoa quả, mật ong, đậu, đỗ, dầu thực vật, lạc, vừng, rau xanh.

       Lương thực, thực phẩm có nguồn gốc từ động vật: cá, thịt, trứng, bơ, mỡ lợn, sữa.

   b) Lương thực, thực phẩm có thể ăn sống: mía, hoa quả, mật ong, bơ, dầu thực vật, lạc, vừng, sữa.

       Lương thực, thực phẩm phải nấu chín: gạo, ngô, khoai lang, cá, thịt, trứng, đậu đỗ, mỡ lợn, rau xanh

**Câu 2**. Cần phải bảo quản lương thực, thực phẩm đúng cách. Vì chúng rất dễ bị hỏng, khi đó chúng sinh ra những chất độc, có hại cho sức khỏe.

**Câu 3**. Nhóm carbohydrate có vai trò quan trọng đối với cơ thể. Nhóm carbohydrate là chứa tinh bột, đường và chất xơ. Tinh bột là nguồn cung cấp năng lượng chính cho cơ thể, đường cũng cung cấp nhiều năng lượng.

**Câu 4**. Bảo quản lương thực khô:

* Ngô, gạo: đóng bao, bảo quản trong kho hoặc cho vào chum, vại, thùng phuy,… để nơi khô ráo
* Sắn: làm sạch, gọt vỏ, thái lát, phơi khô rồi đóng bao để nơi khô ráo
* Khoai: hong, khô, phủ cát,… để nơi khô ráo

Bảo quản lương thực đã nấu chín ( cơm, cháo):

* Cơm: không để lẫn thức ăn khác, để nơi thoáng mát hoặc để tủ lạnh
* Cháo: cho vào hộp rồi để tủ lạnh

**Câu 5.** Mặt tốt của lipid:

* Cung cấp năng lượng cho cơ thể
* Duy trì nhiệt độ cơ thể và bảo vệ cơ thể
* Thúc đẩy hấp thu các vitamin tan trong chất béo

Mặt xấu: tiêu thụ nhiều lipid và cơ thể thừa chất béo sẽ gây béo phì, mắc các bệnh tim mạch, máu nhiễm mỡ, …

**Bài 16 HỖN HỢP CÁC CHẤT**

**Câu 1:**Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?

A.Nước khoáng.                               B. Nước biển.

C. Sodium chloride.                           D. Gỗ.

**Câu 2:**Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

A. Dung dịch.                           B. Huyền phù.

C. Dung môi.                            D. Nhũ tương.

**Câu 3:**Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào

A. Thể của chất.                                  B. Mùi vị của chất.

C. Tính chất của chất.                          D. Số chất tạo nên.

**Câu 4:**Cho các vật thể: áo sơ mi, bút chì, đôi giày, viên kim cương. Vật thể chỉ chứa một chất duy nhất là

A. Áo sơ mi.                                         B. Bút chì.

C. Viên kim cương.                              D. Đôi giày.

**Câu 5:**Chất nào sau đây tan nhiều trong nước nóng?

A. Muối ăn.                                        B. Nến.

C. Khí carbon dioxide.                       D. Dầu ăn.

**Câu 6:**Muốn hòa tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên**sử dụng phương pháp nào dưới đây?

A. Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đểu.       B. Nghiền nhỏ muối ăn.

C. Đun nóng nước .                                              D. Bỏ thêm đá lạnh vào.

**Câu 7:**Hỗn hợp nào sau đây là dung dịch chỉ chứa một chất tan?

A. Nước mắm.                                               B. Sữa.

C. Nước chanh đường.                                 D. Nước đường.

**Câu 8:**Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

A. Hỗn hợp nước muối.                               B. Hỗn hợp nước đường.

C. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều.      D. Hỗn hợp nước và rượu.

**Câu 9:**Hai chất lỏng không hòa tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì được gọi là

A. Chất tinh khiết.                                        B. Dung dịch.

C. Nhũ tương.                                              D. Huyền phù.

**Câu 10:**Khi hòa tan bột đá vôi vào nước, chỉ một lượng chất này tan trong nước, phần còn lại làm cho nước vôi trong bị đục. Hỗn hợp này được gọi là

A. Huyền phù.                                              B. Dung dịch.

C. Nhũ tương.                                              D. Chất tan.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **C** | **B** | **D** | **C** | **A** | **D** | **D** | **C** | **C** | **A** |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1.** Khi pha thêm nước vào cốc nước cam, em thấy màu và vị nước cam thay đổi thế nào? Từ đó hãy cho biết: Tính chất hỗn hợp có phụ thuộc vào thành phần không?

**Câu 2**. Hãy kể một số chất tinh khiết và hỗn hợp xung quanh em.

**Câu 3.** Khi hòa tan đường vào nước, đường có bị biến đổi thành chất khác không?

**Câu 4.** Nước muối, giấm ăn, nước giải khát có gas là các dung dịch. Em hãy chỉ ra dung môi và chất tan trong các trường hợp đó.

**Câu 5.** Khi hòa muối ăn vào nước, nếu muối không tan hết, bị lắng xuống đáy thì có tạo thành huyền phù không?

**Câu 6.** Nêu một vài ví dụ trong thực tế cho thấy chất rắn, chất lỏng, chất khí tan trong nước.

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu** **1.** Khi pha thêm nước vào cốc nước cam, em thấy màu nước cam nhạt dần, và vị cũng nhạt

Từ đó ta thấy được tính chất hỗn hợp phụ thuộc vào thành phần.

**Câu 2.** Chất tinh khiết: vàng,kim cương, nước cất

    Hỗn hợp: gang, thép, nước đường.

**Câu 3.** Khi hòa tan đường vào nước đường không bị biến đổi thành chất khác.

**Câu 4.** Nước muối, giấm ăn, nước giải khát có gas là các dung dịch.

Dung môi trong các trường hợp đó là nước, các chất tan là muối, axit amin, đường hóa học, …

**Câu 5.** Khi hòa muối ăn vào nước, nếu muối không tan hết, bị lắng xuống đáy thì không tạo thành huyền phù. Vì huyền phù gồm các hạt chất rắn lơ lửng trong lòng chất lỏng.

**Câu 6.** Một số chất rắn tan được trong nước: đường, muối, viên C sủi,...

Một số chất lỏng tan được trong nước: rượu, giấm ăn, ...

Một số chất khí tan được trong nước: oxygen, carbon dioxide, ...

**BÀI 17:TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP**

**Câu 1:**Ở nông thôn, để tách thóc lép ra khỏi thóc, người dân thường đổ thóc rơi trước một cái quạt gió. Những hạt thóc lép sẽ bị gió thổi bay ra, đó là do thóc lép có

A. Kích thước hạt nhỏ hơn.                               B. Tốc độ rơi nhỏ hơn.

B. Khối lượng nhẹ hơn.                                      D. Lớp vỏ trấu dễ tróc hơn.

**Câu 2:**Phương pháp nào dưới đây là đơn giản nhất để tách cát lẫn trong nước?

A. Chiết.                                                     B. Dùng máy li tâm.

C. Cô cạn.                                                   D. Lọc.

**Câu 3**: Việc làm nào sau đây là quá trình tách chất dựa theo sự khác nhau về kích thước hạt?

A. Giặt giẻ lau bảng bằng nước từ vòi nước.

B. Ngâm quả dâu với đường để lấy nước dâu.

C. Lọc nước bị vẩn đục bằng giấy lọc.

D. Dùng nam châm hút bột sắt từ hỗn hợp bột sắt và lưu huỳnh.

**Câu 4:**Nếu không may làm đổ dầu ăn vào nước, ta dùng phương pháp nào để tách riêng dầu ăn ra khỏi nước?

A. Dùng máy li tâm.                                                       B. Cô cạn.

C. Chiết.                                                                         D. Lọc.

**Câu 5:**Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?

A. Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.

B. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí hít vào.

C. Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào.

D. Tách khói bụi ra khỏi không khí hít vào.

**Câu 6:** Nước giếng khoan thường lẫn nhiều tạp chất. Để tách bỏ tạp chất, người dân cho vào nước giếng khoan vào bể lọc, đáy bể lót các lớp cát mịn, sỏi và than củi. Nước chảy qua các lớp này sẽ trong hơn. Nhận định nào sau đây là **không**đúng?

A. Lớp than củi có tác dụng hút các chất hữu cơ, vi khuẩn.

B. Lớp cát mịn có tác dụng giữ các hạt đất, cát ở lại.

C. Sau một thời gian sử dụng, ta phải thay rửa các lớp đáy bể lọc.

D. Lớp sỏi làm cho nước có vị ngọt.

**Câu 7:** Hỗn hợp nào dưới đây có thể tách riêng các chất khi cho hỗn hợp vào nước, sau đó khuấy kĩ và lọc?

A. Bột đá vôi và muối ăn.                                      B. Bột than và sắt.

C. Đường và muối.                                                D. Giấm và rượu.

**Câu 8:** Cách hợp lí nhất để tách muối từ nước biển là:

A. Lọc

B. Chưng cất

C. Bay hơi

D. Để yên cho muối lắng xuống rồi gạn nước.

**Câu 9:** Một hỗn hợp gồm bột sắt và đồng, có thể tách riêng hai chất bằng cách nào sau đây?

A. Hòa tan vào nước.

B. Lắng, lọc.

C. Dùng nam châm để hút.

D. Tất cả đều đúng.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |  |
| **Đáp án** | **B** | **D** | **C** | **C** | **D** | **D** | **A** | **C** | **C** |  |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1.** Trên thực tế em thường gặp chất tinh khiết hay hỗn hợp? Vì sao chúng ta cần phải tách chất?

**Câu 2**. Lấy một số vị dụ về quá trình tách chất trong tự nhiên và trong đời sống mà em biết.

**Câu 3.**Tại sao hạt bụi bị tách ra khỏi không khí, hạt phù sa bị tách khỏi nước sông?

**Câu 4.** Quá trình làm muối từ nước biển sử dụng phương pháp tách chất nào?

**Câu 5.** Có một mẫu muối có lẫn cát. Em hãy đề xuất phương pháp tách muối khỏi cát.

**Câu 6**. Tại sao phải mở khóa phễu chiết một cách từ từ

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1.** Trên thực tế em thường gặp hỗn hợp.

Ta cần phải tách chất để thu được chất tinh khiết, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

**Câu 2**. Một số ví dụ về quá trình tách chất trong tự nhiên và trong đời sống:

Phù sa trong nước sông lắng xuống, tách khỏi nước

Làm bay hơi muối biển, thu được muối ăn.

Đãi vàng từ đất cát trong quặng vàng.

**Câu 3**.Hạt bụi bị tách ra khỏi không khí, hạt phù sa bị tách khỏi nước sông. Vì hạt bụi nặng hơn không khí do đó chúng sẽ tự động lặng xuống nên bụi bị tách ra khỏi không khí, hạt phù sa lặng hơn nước sẽ lắng xuống và bị tách ra khỏi nước sống.

**Câu 4.** Quá trình làm muối từ nước biển sử dụng phương pháp cô cạn.

**Câu 5.** Ta ngâm hỗn hợp muối và cát vào nước, quấy đểu cho muối tan hết và để cát lặng xuống đáy ta thu được dung dịch nước muối. Dùng phương pháp cô cạn ta tách muối ra được khỏi dung dịch đó.

**Câu 6**. Ta cần mở khóa phễu chiết một cách từ từ để tránh việc khi dầu ăn chảy hết, nếu như mở nhanh quá, nước cũng sẽ rơi xuống theo dẫn đến việc tách dầu ăn và nước không thành công.

**Bài 18: TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ BẢN CỦA SỰ SỐNG**

**Câu 1:** Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.

B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.

C. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.

D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

**Câu 2:** Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.                       B. Cây cầu.

C. Cây bạch đàn.            D. Ngôi nhà.

**Câu 3:** Có thể phân biệt các loại tế bào khác nhau nhờ những đặc điểm bên ngoài nào?

A. Hình dạng và màu sắc.                   B. Thành phần và cấu tạo.

C. Kích thước và chức năng.               D. Hình dạng và kích thước.

**Câu 4:** Tế bào không  cấu tạo nên vật nào sau đây?

A. Chiếc lá                     B. Bông hoa

C. Con dao                     D. Con cá

**Câu 5:** Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

A. 8.            B. 6.            C. 4.            D. 2.

**Câu 6:**Loại tế bào nào sau đây có thể quan sát bằng mắt thường?

A. Tế bào trứng cá                    B. Tế bào vảy hành

C. Tế bào mô giậu                    D. Tế bào vi khuẩn

**Câu 7:** Cho các nhận định sau:

(1) Các loại tế bào đều có hình đa giác

(2) Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ đơn vị cơ bản là tế bào

(3) Hầu hết các tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường

(4) Lớp biểu bì vảy hành được cấu tạo từ tế bào còn lá hành thì không

Nhận định nào về tế bào là đúng?

A. (3)                    B. (1)                    C. (2)                    D. (4)

**Câu 8:** Tỉ lệ S/V lớn có tác dụng gì với vi khuẩn?

A. Tế bào phân chia ít lần hơn nhưng số lượng nhiều hơn

B. Tế bào có thể rút ngắn thời gian phân chia

C. Tế bào nhanh được thay mới hơn nhưng tốc độ sinh trưởng chậm hơn

D. Tế bào sinh trường nhanh, phân chia mạnh, số lượng tế bào tăng nhanh

**Câu 9:** Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?

A. Mô                   B. Tế bào              C. Biểu bì                       D. Bào quan

**Câu 10:** Vì sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống?

A. Nó có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản

B. Nó có đầy đủ hết các loại bào quan cần thiết

C. Nó có nhiều hình dạng khác nhau để thích nghi với các chức năng khác nhau

D. Nó có nhiều kích thước khác nhau để đảm nhiệm các vai trò khác nhau

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **C** | **C** | **D** | **C** | **D** | **A** | **C** | **D** | **B** | **A** |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1**.Tại sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của các cơ thể sống?

**Câu 2**. Giải thích được vì sao mỗi loại tế bào lại có hình dạng khác nhau.

**Câu 3**. Hãy nêu các dạng hình dạng của tế bảo, lấy ví dụ minh hoạ.

**Câu 4. Tại sao hầu hết các tế bào có kích thước rất nhỏ?**

**Câu 5.** Nêu chức năng của tế bào thần kinh và tế bào hồng cầu

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu** **1.**Tế bào là đơn vị cấu tạo của cơ thể vì mọi cơ thể sống đều cấu tạo từ tế bào, nó là đơn vị cấu tạo bé nhất của cơ thể sống. Và tế bào có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản: sinh trưởng (lớn lên), hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm giác, bài tiết và sinh sản.

**Câu 2.** Mỗi loại tế bào có hình dạng khác nhau vì: Mỗi loại tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau vì thế mà chúng có cấu tạo, hình dạng và kích thước khác nhau để phù hợp với chức năng của tế bào.

**Câu 3.** Tế bào có nhiều hình đạng khác nhau: hình cầu (tế bào trưng), hình đĩa (tế bào hồng cầu), hình sợi (tế bào sợi nấm), hình sao (tế bào thần kinh), hình trụ (tế bào lót xoang mũi), hình thoi (tế bào cơ trơn), hình nhiều cạnh (tế bào biếu bì), ...

**Câu 4.**Vì nguyên liệu cần cho sự sống của tế bào (như oxygen, chất dinh dưỡng) và chất thải được bài tiết (như khí carbon dioxide) phải đi vào và đi ra tế bào qua bề mặt của nó nên nếu tế bào quá lớn, các chất đi vào và đi ra không đủ nhanh theo yêu cầu của các quá trình sống. Vì vậy, hầu hết các tế bào có kích thước rất nhỏ.

**Câu 5.** - Chức năng của tế bào thần kinh là

Tiếp nhận, trả lời các kích thích bằng cách dẫn truyền xung thần kinh.

Dẫn truyền xung thần kinh từ nơi phát sinh hay tiếp nhận về thân nơron và truyền đi theo sợi trục.

- Chức năng của tế bào hồng cầu là

Đưa các chất dinh dưỡng đến các mô và đưa các chất cặn bã từ các mô về các cơ quan ra bên ngoài.

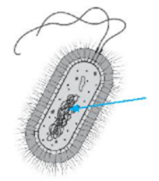
**Bài 19: Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào**

**Câu 1:** Thành phần nào dưới đây không thuộc thành phần cấu tạo chính của tế bào?

A. Màng tế bào               B. Tế bào chất

C. Thành tế bào              D. Nhân/vùng nhân

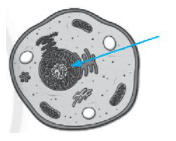
**Câu 2:** Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.



A. Màng tế bào.              B. Chất tế bào.

C. Nhân tế bào.               D. Vùng nhân.

**Câu 3:** Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào.



A. Màng tế bào.               B. Chất tế bào.

C. Nhân tế bào.               D. Vùng nhân.

**Câu 4:** Loại bào quan có ở tế bào nhân sơ là?

A. Ti thể               B. Lục lạp             C. Ribosome                  D. Không bào

**Câu 5:** Thành phần nào dưới đây không có ở tế bào nhân thực?

A. Màng nhân                  B. Vùng nhân

C. Chất tế bào                 D. Hệ thống nội màng

**Câu 6:** Tế bào động vật không có bào quan nào dưới đây?

A. Ti thể               B. Không bào             C. Ribosome                  D. Lục lạp

**Câu 7:** Nhân/vùng nhân của tế bào có chức năng gì?

A. Tham gia trao đối chất với môi trường

B. Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động của tế bào

C. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào

D. Là nơi tạo ra năng lượng cung cấp cho mọi hoạt động của tế bào

**Câu 8:** Thành phần nào giúp lục lạp có khả năng quang hợp?

A. Carotenoid                 B. Xanthopyll

C. Phycobilin                  D. Diệp lục

**Câu 9:** Một số loài động vật vẫn tồn tại không bào. Các không bào đó có chức năng gì?

A. Chứa sắc tố                B. Co bóp, tiêu hóa

C. Chứa chất thải            D. Dự trữ dinh dưỡng

**Câu 10:** Thành tế bào ở thực vật có vai trò gì?

A. Tham gia trao đổi chất với môi trường

B. Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào

C. Quy định hình dạng và bảo vệ tế bào

D. Tham gia cấu tạo hệ thống nội màng

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **C** | **C** | **B** | **D** | **B** | **D** | **B** | **C** |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1.** nêu các thành phần chính của tế bào và chức năng của chúng.

**Câu 2.** nêu sự khác nhau về cấu tạo giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

**Câu 3.** lập bảng so sánh sự giống nhau và khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào động vật và tế bào thực vật.

**Câu 4.** Những điểm khác nhau giữa tế bào động vật và tế bào thực vật có liên quan gì đến hình thức sống khác nhau của chúng?

**Câu** **5.**Cấu trúc nào của tế bào nào giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như động vật?

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1.** Thành phần chính của tế bào:

* **Màng tế bào:**Tham gia vào quá trình trao đổi chất giữa tế bào và môi trường.
* **Tế bào chất:** Là nơi xảy ra của các hoạt động trao đổi chất (hấp thụ chất dinh dưỡng, chuyển hóa năng lượng, tạo ra các chất để tăng trưởng, ...)
* **Nhân:** Nơi chứa vật chất di truyền, là trung tâm điều khiển các hoạt động sống của tế bào.

**Câu 2.** Sự khác nhau:

* Tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh (không có màng nhân ngăn cách giữa chất nhân và tế bào chất)
* Tế bào nhân thực đã có nhân hoàn chỉnh, vật chất di truyền nằm trong nhân được bao bọc bởi màng nhân.

**Câu 3.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tế bào động vật** | **Tế bào thực vật** |
| Giống nhau | Đều có những thành phần cơ bản:   * Màng sinh chất, tế bào chất và nhân * Các bào quan: Ti thể, thể Gôngi, lưới nội chất mang ribôxôm. * Trong nhân là nhân con và chất nhiễm sắc (ADN). | |
| Khác nhau | * Không có vách xenlulozơ * Không có lục lạp nên không tự tổng hợp được chất hữu cơ → dị dưỡng. * Có trung thể * Có lizôxôm (thể hòa tan). * Không có không bào chứa dịch, chỉ có không bào tiêu hóa, không bào bài tiết. | * Có vách xenlulozơ bảo vệ. * Có các lạp thể đặc biệt là lục lạp → tự dưỡng. * Chỉ có trung thể ở tế bào thực vật bậc thấp * Không có lizôxôm * Có không bào chứa dịch lớn. |

**Câu 4.** Điểm khác nhau lớn nhất giữa thực vật và giới động vật là khả năng quang hợp.

* Thực vật là sinh vật tự dưỡng, có khả năng quang hợp để tổng hợp chất hữu cơ từ năng lượng mặt trời và chất vô cơ. Có những loại thực vật vừa tự dưỡng, vừa dị dưỡng (như cây bắt ruồi). Nhưng nếu không có ruồi, các cây này vẫn sống vì chúng vẫn có khả năng quang hợp.
* Động vật là sinh vật dị dưỡng, không có khả năng tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ nên chúng phải ăn các sinh vật khác.

**Câu 5.** Thành tế bào của tế bào thực vật giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như ở động vật.

**Bài 20: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào**

**Câu 1:**Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

A. 8.           B. 6.            C. 4.            D. 2.

**Câu 2:** Cây lớn lên nhờ:

A. Sự lớn lên và phân chia của tế bào.

B. Sự tăng kích thước của nhân tế bào.

C. Nhiều tế bào được sinh ra từ một tế bào ban đầu.

D. Các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào ban đầu.

**Câu 3:** Một tế bào sau khi trải qua 4 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

A. 4                      B. 8                      C. 12                    D. 16

**Câu 4:** Khi tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định sẽ tiến hành quá trình nào?

A. Sinh trưởng                B. Sinh sản

C. Thay thế                     D. Chết

**Câu 5:** Mèo con lớn lên nhờ quá trình nào?

A. Sinh trưởng của tế bào

B. Sinh sản của tế bào

C. Sinh trưởng và sinh sản của tế bào

D. Sinh trưởng và thay mới của tế bào

**Câu 6:** Quá trình nào sau đây xảy ra nhờ sự sinh trưởng và sinh sản của tế bào?

A. Quả bóng to lên khi được bơm hơi

B. Quả táo trên cây to lên sau nhiều ngày đậu quả

C. Áo phao phồng lên sau khi lấy ra khỏi túi hút chân không

D. Gấu bông phồng lên sau khi được nhồi thêm bông

**Câu 7:** Điều gì xảy ra với các tế bào trong cơ thể khi cơ thể ngừng lớn?

A. Các tế bào trong cơ thể dừng sinh trưởng và sinh sản

B. Các tế bào trong cơ thể ngừng sinh trưởng nhưng vẫn sinh sản

C. Các tế bào trong cơ thể ngừng sinh sản nhưng vẫn sinh trưởng

D. Các tế bào trong cơ thể vẫn tiếp tục sinh trưởng và sinh sản

**Câu 8:** Điều gì xảy ra với dạ dày nếu quá trình thay thế các tế bào không diễn ra?

A. Dạ dày vẫn hoạt động bình thường

B. Thành dạ dày trở nên mỏng hơn

C. Dạ dày hoạt động tốt hơn

D. Dạ dày bị ăn mòn đến viêm loét

**Câu 9:** Loại tế bào nào sau đây có thời gian thay mới lâu nhất?

A. Tế bào hồng cầu                  B. Tế bào da

C. Tế bào gan                           D. Tế bào biểu mô ruột

**Câu 10:** Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì?

A. Tăng kích thước của cơ thể sinh vật

B. Khiến cho sinh vật già đi

C. Tăng kích thước của sinh vật, thay thế các tế bào già, chết và các tế bào bị tổn thương

D. Ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố từ bên ngoài vào cơ thể

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **D** | **A** | **D** | **B** | **C** | **B** | **D** | **D** | **D** | **C** |

***TỰ LUẬN***

**Câu** **1**. Kích thước tế bào chất và nhân thay đổi thế nào khi tế bào lớn lên?

**Câu** **2**. Tế bào có lớn lên mãi được không? Tại sao?

**Câu** **3**. Khi nào thì tế bào phân chia?

**Câu** **4**. Cơ thế chúng ta gồm hàng tỉ tế bào được hình thành nhờ quá trình nào?

**Câu** **5**. trả lời câu hỏi:

a) Sự sinh sản tế bào có ý nghĩa gì?

b) Nhờ quá trình nào cơ thể có được những tế bào mới để thay thế cho những tế bào già, các tế bào chết, tế bào bị tổn thương?

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu** **1**. Kích thước tế bào chất và nhân tăng dần lên khi tế bào lớn lên.

**Câu** **2.** Tế bào không lớn lên mãi được. Vì khi tế bào lớn đến một kích thước nhất định sẽ phân chia thành hai tế bào con.

**Câu** **3**. Khi tế bào lớn lên một kích thước nhất định sẽ phân chia.

**Câu** **4.** Cơ thể ta gồm hàng tỉ tế bào được hình thành nhờ quá trình sinh sản (phân chia) của tế bào

**Câu** **5.** a) Sự sinh sản tế bào làm tăng số lượng tế bào, thay thế các tế bào già, các tế bào bị tổn thương, giúp cơ thể lớn lên (sinh trưởng) và phát triển.

b) Quá trình sinh sản tế bào.

**Bài 21 Thực hành : Quan sát và phân biệt một số loại tế bào**

**Câu 1:** Vì sao người ta chỉ tách nhẹ lớp màng mỏng của vảy hành để quan sát tế bào biểu bì hành tây?

A. Hạn chế các loại tế bào xếp chồng lên nhau, khó quan sát trên kính hiển vi.

B. Tế bào biểu bì tập trung nhiều ở lớp màng này.

C. Kính hiển vi chỉ quan sát được các vật có độ mỏng cao.

D. Chỉ có A và B đúng

**Câu 2 :** Những thiết bị, dụng cụ nào cần thiết cho việc làm tiêu bản và quan sát tế bào biểu bì hành tây và tế bào trứng cá?

A. Kính hiển vi, Thìa inox, Giấy thấm, Kính lúp, Nước cất.

B. Dao nhọn, Giấy khổ A4

C. Thuốc nhuộm, Dao nhọn, Kính lúp

D. Dao nhọn, Thuốc nhuộm, Nước cất

**Câu 3 :** Đặc điểm phân biệt tế bào hành tây và tế bào niêm mạc miệng ?

A. Tế bào hành tây có thành tế bào bao ngoài màng tế bào, hinh dạng các tế bào ổn định, hình thuôi dài, xếp đều đặn

B. Tế bào niêm mạc miệng không có thành tế bào, hinh dạng các tế bào khác nhau, không đều.

C. Cả 2 đáp án trên đều đúng

D. Cả 2 đáp án trên đều sai

**Câu 4:** Không thể quan sát được thành phần nào sau đây của tế bào trứng cá?

A.Màng tế bào.

B. Thành tế bào.

C. Tế bào chất.

D. Nhân tế bào.

**Câu 5:** Hình ảnh các hạt màu xanh mô tả tế bào thực vật quan sát được dưới kính hiển vi, là thành phần nào của tế nào?

A. Lưới nội chất.

B. Không bào.

C. Ti thể.

D. Lục lạp.

**Câu 6:** Thành phần cấu tạo không thể quan sát được ở cả tế bào trứng cá và tế bào biểu bì củ hành tây là gì?

A. Nhân tế bào.

B. Tế bào chất.

C. Màng sinh chất.

D. Thành tế bào.

**Câu 7:** Có thể quan sát được thành phần nào sau đây của tế bào trứng cá?

A.Màng tế bào.

B. Tế bào chất.

C. Nhân tế bào.

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 8 :** Những nhận định sau đây, đâu là nhận định đúng ?

A. Thành tế bào nằm ngoài màng tế bào

B. Tế bào được chia thành nhiều khoang nhờ vách tế bào

C. Có thể quan sát được thành tế bào của tế bào trứng cá

D. Tế bào biểu bì tập trung nhiều ở nhân tế bào

**Câu 9:** Tế bào được chia thành nhiều khoang nhờ

A.  thành tế bào.

B. hệ thống các bào quan.

C. hệ thống nội màng.

D. vách tế bào.

**Câu 10:** Tế bào vi khuẩn E. coli có thời gian phân chia tế bào là 20 phút/ lần phân chia. Sau 60 phút, từ 3 tế bào có thể tạo ra bao nhiêu tế bào con?

A. 12

B. 16

C. 24

D. 48

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **D** | **A** | **C** | **B** | **D** | **D** | **D** | **A** | **C** | **C** |

***TỰ LUẬN***

**Câu** **1.** Dựa vào hình ảnh quan sát được em hãy nêu các thành phần của mỗi loại tế bào rồi hoàn thành theo mẫu bảng dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tế bào hành tây | Tế bào trứng cá |
| Thành phần quan sát được |  |  |
| Thành phần không quan sát được |  |  |

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu** **1**.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tế bào hành tây | Tế bào trứng cá |
| Thành phần quan sát được | Thành tế bào nhân tế bào | Màng tế bào, tế bào chất |
| Thành phần không quan sát được | Màng tế bào, các bào quan | Nhân, các bào quan |

**Bài 22 Cơ Thể Sinh Vật**

**Câu 1:** Cơ thể sinh vật có khả năng thực hiện các quá trình sống cơ bản nào?

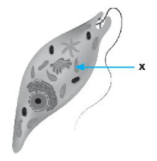
(1) Cảm ứng và vận động                   (4) Hô hấp

(2) Sinh trưởng                                    (5) Bài tiết

(3) Dinh dưỡng                                     (6) Sinh sản

A. (2), (3), (4), (6)                     B. (1), (3), (5), (6)

C. (2), (3), (4), (5), (6)              D. (1), (2), (3), (4), (5), (6)

**Câu 2:** Quan sát hình ảnh trùng roi và trả lời câu hỏi sau.

Thành phần cấu trúc x (có màu xanh) trong hình bên là gì?

A. Lục lạp.                     B. Nhân tế bào.

C. Không bào.                D. Thức ăn.

**Câu 3:**Cơ thể nào sau đây là cơ thể đơn bào?

A. Con chó.          B. Trùng biến hình.     C. Con ốc sên.          D. Con cua.

**Câu 4:** Vật sống nào sau đây không có cấu tạo cơ thể là đa bào?

A. Hoa hồng.                              B. Hoa mai.

C. Hoa hướng dương.               D. Tảo lục.

**Câu 5:**Vật nào dưới đây là vật sống?

A. Con chó           B. Con dao           C. Cây chổi           D. Cây bút

**Câu 6:** Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào khác nhau chủ yếu ở điểm nào?

A. Màu sắc                                        B. Kích thước

C. Số lượng tế bào tạo thành              D. Hình dạng

**Câu 7:** Hoạt động nào dưới đây là hoạt động của vật sống?

A. Quá trình chuyển năng lượng mặt trời thành năng lượng điện ở pin mặt trời

B. Quá trình đốt cháy carbonhydrate để tạo năng lượng ở người

C. Quá trình thu nhỏ kích thước của hòn đá cuội bên dòng suối

D. Quá trình mài sắt thành kim

**Câu 8:** Hoạt động nào dưới đây là hoạt động của vật không sống?

A. Quá trình đốt cháy xăng để khiến động cơ chuyển động ở xe máy

B. Quá trình chui lên khỏi mặt đất của cây nấm sau mưa

C. Quá trình hấp thu khí oxygen và thải ra khí carbon dioxide khi thỏ hô hấp

D. Quá trình dài ra ở móng tay người

**Câu 9:** Cho các sinh vật sau:

(1) Tảo lục                               (4) Tảo vòng

(2) Vi khuẩn lam                      (5) Cây thông

(3) Con bướm

Các sinh vật đơn bào là?

A. (1), (2)              B. (5), (3)              C. (1), (4)              D. (2), (4)

**Câu 10:** Loại sinh vật đơn bào nào sau đây có thể quan sát được bằng mắt thường?

A. Tảo lục                      B. Trùng roi

C. Vi khuẩn lam             D. Tảo bong bóng

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **D** | **A** | **B** | **D** | **A** | **C** | **B** | **A** | **A** | **D** |

***TỰ LUẬN***

**Câu** **1**.Những đặc điểm nào giúp các em nhận ra một cơ thể sống?

**Câu** **2** .Để chuyển động trên đường, một chiếc oto hoặc xe máy cần lấy khí oxygen để đốt ra khí carbon dioxide. Vậy, cơ thể sống giống với ôt hoặc xe máy ở đặc điểm nào? Tại sao oto và xe máy không phải cơ thể sống?.

**Câu** **3**.Nhận biết và mô tả đặc điểm cơ thể sống

**Câu** **4.**Nêu khái niệm cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào

**Câu** **5**.Kể tên một số cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu** **1.** Những đặc điểm  giúp các em nhận ra một cơ thể sống là tại các cá thể sẽ diễn ra các hoạt động sống cơ bản như cảm ứng, dinh dưỡng, sinh trưởng, sinh sản

**Câu** **2**.Để chuyển động trên đường, một chiếc oto hoặc xe máy cần lấy khí oxygen để đốt ra khí carbon dioxide. Vậy, cơ thể sống giống với oto hoặc xe máy ở đặc điểm nào? Tại sao oto và xe máy không phải cơ thể sống?

Cơ thể sống giống với oto hoặc xe máy ở đặc điểm cũng cần sử dụng khí oxygen sử dụng đảm bảo duy trì sự sống và hoạt động, con người cần oxygen để hô hấp còn oto dùng oxygen để hoạt động được

Nhưng oto và xe máy không được xem là một cơ thể sống vì những hoạt động sống cơ bản khác như sinh sản, cảm ứng và vận động hay sinh trưởng đều không thực hiện được.

**Câu** **3**. Các quá trình sống cơ bản của cơ thể bao gồm:

– Cảm ứng và vận động

– Sinh trưởng

– Sinh sản

– Bài tiết

– Dinh dưỡng

– Hô hấp

**Câu** **4**. Cơ thể đơn bào được cấu tạo từ một tế bào thực hiện được các chức năng của một cơ thể sống.  
Cơ thể đa bào được cấu tạo từ nhiều tế bào, các tế bào khác nhau thực hiện các chức năng khác nhau trong cơ thể.  
**Câu** **5.** cơ thể đơn bào: Tảo lục, vi khuẩn gây bệnh uốn ván

Cơ thể đa bào: em bé, con bướm, cây hoa mai

**Bài 23 : TỔ CHỨC CƠ THỂ ĐA BÀO**

**Câu 1:** Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là

A. Hệ cơ quan                B. Cơ quan

C. Mô                              D. Tế bào

**Câu 2:** Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là?

A. Tế bào                        B. Mô

C. Cơ quan                     D. Hệ cơ quan

**Câu 3:** Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm?

A. Hệ rễ và hệ thân                   B. Hệ thân và hệ lá

C. Hệ chồi và hệ rễ                   D. Hệ cơ và hệ thân

**Câu 4:**Hệ tuần hoàn được cấu tạo bởi các cơ quan nào sau đây?

A. Tim và máu                         B. Tim và hệ mạch

C. Hệ mạch và máu                  D. Tim, máu và hệ mạch

**Câu 5:** Cơ quan nào sau đây thuộc hệ thần kinh ở người?

A. Tim                  B. Phổi                 C. Não                  D. Dạ dày

**Câu 6:**Trình từ sắp xếp các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là?

A. Tế bào -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể -> mô

B. Mô -> tế bào -> hệ cơ quan -> cơ quan -> cơ thể

C. Tế bào -> mô -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể

D. Cơ thể -> hệ cơ quan -> cơ quan -> tế bào -> mô

**Câu 7:** Nhận định nào sau đây là đúng?

A. Tất cả các sinh vật đều là cơ thể đa bào

B. Mô là cấp độ nhỏ hơn để xây dựng lên cấp độ lớn hơn là hệ cơ quan

C. Cơ thể người chỉ có một hệ cơ quan duy nhất suy trì toàn bộ hoạt động sống của cơ thể.

D. Thực vật có hai hệ cơ quan là hệ chồi và hệ rễ

**Câu 8:** Con cá vàng là cấp độ tổ chức nào của cơ thể đa bào?

A. Tế bào              B. Cơ thể              C. Cơ quan           D. Mô

**Câu 9:** Dạ dày được cấu tạo từ các cấp tộ tổ chức nhỏ hơn nào?

A. Mô và hệ cơ quan                B. Tế bào và cơ quan

C. Tế bào và mô                       D. Cơ quan và hệ cơ quan

**Câu 10:** Hệ chồi ở thực vật bao gồm các cơ quan nào?

A. Rễ, thân, lá                 B. Cành, lá, hoa, quả

C. Hoa, quả, hạt              D. Rễ, cành, lá, hoa

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **D** | **C** | **C** | **B** | **C** | **C** | **D** | **B** | **C** | **B** |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1**. các tế bào được tổ chức và phối hợp hoạt động với nhau như thế nào trong cơ thể đa bào?

**Câu 2.** Ở cơ thể đa bào, nhóm các tế bào gì ? cho ví dụ minh họa?

**Câu 3**. ở cơ thể đa bào, các mô gì ? cho ví dụ minh họa ?

**Câu 4**. Hệ cơ quan là gì

**Câu 5**. Giải thích vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh hay tổn thương thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng. Từ đó biết cách chăm sóc và bảo vệ cơ thể

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1**. Trong cơ thể đa bào, các tế bào được tổ chức và phối hợp qua một số cấp tổ chức ( tế bào --> mô --> cơ quan --> hệ cơ quan) để tạo thành cơ thể.

**Câu 2.** - Ở cơ thể đa bào, nhóm các tế bào cùng thực hiện một chức năng liên kết với nhau tạo thành mô.

Ví dụ: Mô cơ, mô biểu bì, mô mạch gỗ, mô liên kết, …

**Câu 3.** - Các mô cùng thực hiện một hoạt động sống nhất định tạo thành cơ quan.

Ví dụ: Phổi, tim, rễ, lá, hoa, …

**Câu** **4** - Nhiều cơ quan ùng phối hợp hoạt động để thực hiện một quá trình sống nào đó của cơ thể gọi là hệ cơ quan.

+ Động vật: Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thần kinh, …

+ Thực vật: Hệ chồi, hệ rễ.

**Câu 5.**  Giải thích vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh hay tổn thương thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng: Mỗi cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể đều có những chức năng riêng nhưng sự hoạt động của chúng đều có sự liên quan mật thiết với nhau để đảm bảo tính thống nhất trong cơ thể. Ví dụ, khi tập thể dục, hệ vận động (cơ và xương) hoạt động với cường độ mạnh kéo theo các hệ cơ quan, hệ cơ quan khác cũng tăng cường hoạt động để phối hợp: tim đập nhanh và mạnh hơn, mạch máu dãn, thở nhanh và sâu hơn, mồ hôi tiết nhiều hơn,… Sự phối hợp của các cơ quan, hệ cơ quan được điều khiển bởi hệ thần kinh. Từ đó, nếu một cơ quan trong cơ thể bị tổn thương thì tất cả sự hoạt động của các cơ quan khác đều bị ảnh hưởng dẫn tới cả cơ thể bị ảnh hưởng.

- Cách chăm sóc và bảo vệ cơ thể:

+ Có chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, tập luyện hợp lí để đảm bảo tất cả các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể đều khỏe mạnh, tạo tiền đề cho cơ thể phát triển khỏe mạnh.

+ Bảo vệ, tránh tổn thương cho các cơ quan, hệ cơ quan.

**Bài 24 Thực Hành quan sát và mô tả cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào**

**Câu 1:** Tuỷ sống nằm ở đâu ?

A. Trong xương cột sống

B. Trong hộp sọ

C. Khắp nơi trong cơ thể

D. Không có đáp án nào đúng

**Câu 2:** Chất lỏng dày được tìm thấy bên trong lục lạp là gì?

A. màng quang hợp

B. mesophyll

C. khí khổng

D. stroma

**Câu 3:** Các cơ quan cấu tạo nên hệ tuần hoàn là :

A. Tim

B.Các mạch máu

C. Miệng

D. A và B đều đúng

**Câu 4:**Hãy chọn đáp án liệt kê đầy đủ các thành phần cấu tạo của tế bào thực vật?

A. Vách tế bào (chỉ có ở tế bào thực vật), màng sinh chất, nhân và một số thành phần khác: không bào, lục lạp (có ở thế bào thịt lá)

B. Vách tế bào (chỉ có ở tế bào thực vật), màng sinh chất, chất tế bào, nhân và một số thành phần khác: không bào, lục lạp (có ở thế bào thịt lá), mô phân sinh

C. Vách tế bào (chỉ có ở tế bào thực vật), màng sinh chất, chất tế bào, nhân và một số thành phần khác: không bào, lục lạp (có ở thế bào thịt lá

D. Vách tế bào (chỉ có ở tế bào thực vật), màng sinh chất, chất tế bào, mô phân sinh và một số thành phần khác: không bào, lục lạp (có ở thế bào thịt lá)

**Câu 5:**Trong tế bào thực vật, lục lạp chứa chất diệp lục ở đâu?

A. Tế bào thịt vỏ.

B. Tế bào biểu bì.

C. Tế bào lông hút.

D. Tế bào thịt lá.

**Câu 6:** Đề quan sát cơ thế đơn bào, người ta dùng

A. mắt thường.

B. kính lúp.

C. kinh hiển vi.

D. kính bảo hộ.

**Câu 7:**Điểm khác nhau giữa tế bào lông hút và tế bào thực vật là:

A. Tế bào lông hút có vách tế bào mỏng, không bào lớn, không có lục lạp, nhân nằm ở phía đầu lông hút còn tế bào thực vật: vách tế bào dày, không bào nhỏ, có lục lạp, nhân nằm sát thành tế bào.

B. Tế bào lông hút có vách tế bào mỏng, không bào lớn, không có lục lạp, nhân nằm ở phía đầu lông hút còn tế bào thực vật: vách tế bào dày, không bào nhỏ, có lục lạp, nhân nằm sát thành tế bào.

C. Tế bào lông hút, không bào lớn , nhân nằm ở phía đầu lông hút còn tế bào thực vật: không bào nhỏ, nhân nằm sát thành tế bào.

D. Tế bào lông hút có vách tế bào mỏng , không có lục lạp, nhân nằm ở phía đầu lông hút còn tế bào thực vật: vách tế bào dày , có lục lạp, nhân nằm sát thành tế bào.

**Câu 8:** Những bộ phận nào sau đây chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

A. Lục lạp và màng sinh chất.

B.  Lục lạp và vách tế bào.

C. Nhân và màng sinh chất.

D. Chất tế bào và không bào.

**Câu 9:** Dạ dày, gan , tuỵ nằm ở đâu ?

A. Khoang miệng

B. Khoang bụng dưới

C. Khoang ngực

D. Một đáp án khác

**Câu 10:**Nhận định không đúng khi nói về đặc điểm của mạch gỗ là:

A. Tế bào mạch gỗ gồm 2 loại là quản bào và mạch ống.

B. Thành của mạch gỗ được linhin hóa.

C. Đầu của tế bào mạch gỗ gắn với đầu của tế bào quản bào thành những ống dài từ rễ đến lá để cho dòng mạch gỗ di chuyển bên trong.

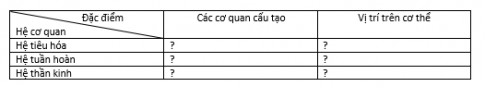
D. Mạch gỗ gồm các tế bào chết.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **A** | **D** | **D** | **C** | **D** | **C** | **A** | **B** | **C** | **C** |

***TỰ LUẬN***

**Câu** **1**. Nêu cấu tạo và vị trí một số hệ cơ quan trong cơ thể người, hoàn thành bảng theo mẫu sau:



**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu** **1**.



**Bài 25: hệ thống phân loại sinh vật**

**Câu 1:** Vì sao cần phải phân loại thế giới sống?

A. Để đặt và gọi tên các loài sinh vật khi cần thiết.

B. Để xác định số lượng các loài sinh vật trên Trái Đất.

C. Để xác định vị trí của các loài sinh vật giúp cho việc tìm ra chúng giữa các sinh vật trở nên dễ dàng hơn.

D. Để thấy được sự khác nhau giữa các loài sinh vật.

**Câu 2:** Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì với chúng ta?

(1) Gọi đúng tên sinh vật

(2) Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại

(3) Thấy được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và trong thực tiễn

(4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới

A. (1), (2), (3)                 B. (2), (3), (4)

C. (1), (2), (4)                 D. (1), (3), (4)

**Câu 3:** Tiêu chí nào sau đây được dùng để phân loại sinh vật?

(1) Đặc điểm tế bào

(2) Mức độ tổ chức cơ thể

(3) Môi trường sống

(4) Kiểu dinh dưỡng

(5) Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn

A. (1), (2), (3), (5)                     B. (2), (3), (4), (5)

C. (1), (2), (3), (4)                     D. (1), (3), (4), (5)

**Câu 4:** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới

B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới

**Câu 5:** Tên phổ thông của các loài được hiểu là?

A. Cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng miền, quốc gia

B. Tên giống + tên loài + (Tên tác giả, năm công bố)

C. Cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu

D. Tên loài + tên giống + (tên tác giả, năm công bố)

**Câu 6:** Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

A. Khởi sinh         B. Nguyên sinh               C. Nấm                 D. Thực vật

**Câu 7:** Hệ thống phân loại sinh vật bao gồm các giới nào?

A. Động vật, Thực vật, Nấm

B. Nấm, Nguyên sinh, Thực vật, Virus

C. Khởi sinh, Động vật, Thực vật, Nấm, Virus

D. Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật, Động vật

**Câu 8:** Vi khuẩn lam có cơ thể đơn bào, nhân sơ, có diệp lục và khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ. Vi khuẩn lam thuộc giới nào?

A. Khởi sinh                   B. Nguyên sinh               C. Nấm                 D. Thực vật

**Câu 9:** Cho hình ảnh sau:

Miền Bắc nước ta gọi đây là quả roi đỏ, miền Nam gọi đây là quả mận. Dựa vào đâu để khẳng định hai cách gọi này cùng gọi chung một loài?

A. Tên khoa học             B. Tên địa phương

C. Tên dân gian              D. Tên phổ thông

**Câu 10:** Vì sao trùng roi có lục lạp và khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ nhưng lại không được xếp vào giới Thực vật?

A. Vì chúng có kích thước nhỏ           B. Vì chúng có khả năng di chuyển

C. Vì chúng là cơ thể đơn bào            D. Vì chúng có roi

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **C** | **C** | **C** | **A** | **C** | **D** | **D** | **A** | **A** | **C** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

***TỰ LUẬN***

**Câu 1.** Vì sao cần phải phân loại thế giới sống?

**Câu** **2.** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào

**Câu** **3.** Tên phổ thông của các loài được hiểu là

**Câu** **4**. nêuTiêu chí nào được dùng để phân loại sinh vật?

**Câu 5.** Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì với chúng ta

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1.** Trên Trái Đất có rất nhiều sinh vật khác nhau. Nếu không có hệ thống phân loại sinh vật sẽ rất khó để xác định vị trí của các loài sinh vật và khó khăn trong việc tìm kiếm chúng giữa các loài sinh vật khác.

**Câu** **2**. Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao sẽ bắt đầu từ cấp nhỏ nhất là loài và kết thúc bằng cấp lớn nhất là giới. Cụ thể là: Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu** **3**. Tên phổ thông của loài là loại tên thường dùng, tên thông dụng của loài đó được sử dụng ở trong danh mục tra cứu.

**Câu** **4.** các Tiêu chí được dùng để phân loại sinh vật là

- Đặc điểm tế bào

- Môi trường sống

- Kiểu dinh dưỡng

-Mức độ tổ chức cơ thể

**Câu** **5**. Ý nghĩa của phân loại thế giới sống:

+ Giúp gọi đúng tên sinh vật.

 + Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.

+ Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

**Bài 26: Khóa lưỡng phân**

**Câu 1:** Đặc điểm đối lập của con chim gõ kiến và con chim đà điểu là?

A. Có lông vũ và không có lông vũ

B. Biết bay và không biết bay

C. Có cánh và không có cánh

D. Có mỏ và không có mỏ

**Câu 2:** Có thể sử dụng đặc điểm về tế bào để phân biệt

A. con cá và con chim.

B. trùng giày và trùng roi.

C. vi khuẩn và con ếch.

D. con ong và con kiến.

**Câu 3:** Có thể phân biệt gà và thỏ nhờ đặc điểm đối lập nào sau đây?

A. Có cánh/ không có cánh

B. Có thể di chuyển/ không thể di chuyển.

C. Cơ thể đơn bào/ cơ thể đa bào.

D. Có lông/ không có lông.

**Câu 4:** Khi tiến hành xây dựng khóa lưỡng phân để phân loại một nhóm sinh vật cần tuân thủ theo nguyên tắc nào?

A. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có môi trường sống khác nhau.

B. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có cơ quan di chuyển khác nhau.

C. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có những đặc điểm đối lập nhau.

D. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có kiểu dinh dưỡng khác nhau.

**Câu 5:** Việc phân loại thế giới sống không có ý nghĩa nào sau đây?

A. Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.

B. Sinh vật thích nghi với môi trường hơn.

C. Gọi đúng tên sinh vật.

D. Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

**Câu 6:** Để phân loại các sinh vật thành từng nhóm dựa trên những đặc điểm giống và khác nhau của sinh vật người ta sử dụng

A. kính lúp.

B. khóa lưỡng phân.

C. trực quan.

D. kính hiển vi.

**Câu 7:** Khóa lưỡng phân sẽ được dừng phân loại khi nào?

A. Khi đã phân loại triệt để được các loài sinh vật

B. Khi các loài sinh vật cần phân loại quá ít

C. Khi các loài sinh vật cần phân loại quá nhiều

D. Khi các loài sinh vật cần phân loại có điểm khác nhau

**Câu 8:** Nhận định nào sai khi nói về đặc điểm của giới Nấm?

A. Nấm men là một sinh vật thuộc giới Nấm.

B. Sống hoàn toàn dị dưỡng.

C. Gồm những sinh vật có cấu tạo đa bào hoặc đơn bào.

D. Gồm những sinh vật có cấu tạo từ tế bào nhân thực.

**Câu 9:** Khóa phân loại được xây dựng nhằm mục đích gì?

A. Xác định vị trí phân loại của loài một cách thuận lợi.

B. Xác định tên của các loài.

C. Xác định tầm quan trọng của loài trong tự nhiên.

D. Xác định đặc điểm giống và khác nhau của mỗi loài.

**Câu 10:** Sinh vật nào là sinh vật dị dưỡng?

A. nấm,vi khuẩn, tảo cát

B. con báo, nấm, hoa cẩm tú cầu

C. con bò, nấm, rong biển đỏ

D. Nấm, con bò, con báo

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **B** | **C** | **A** | **C** | **B** | **B** | **A** | **B** | **A** | **D** |

***TỰ LUẬN***

**Câu** **1**. Khi tiến hành xây dựng khóa lưỡng phân để phân loại một nhóm sinh vật cần tuân thủ theo nguyên tắc nào

**Câu** **2**.  Đặc điểm đối lập của con chim gõ kiến và con chim đà điểu là gì

**Câu** **3**. Khóa lưỡng phân sẽ được dừng phân loại khi nào?

**Câu 4.** Xây dựng khóa lưỡng phân cần trải qua các bước nào?

**Câu 5.** Cho các loài: mèo, thỏ, chim bồ câu, ếch và các đặc điểm sau:

(1) Biết bay hay không biết bay

(2) Có lông hay không có lông

(3) Ăn cỏ hay không ăn cỏ

(4) Hô hắp bằng phổi hay không hô hấp bằng phổi

(5) Sống trên cạn hay không sống trên cạn

(6) Phân tính hay không phân tính

Các đặc điểm đối lập để phân loại các loài này là?

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1**. Khi xây dựng khóa lưỡng phân cần xác định đặc điểm đối lập của các nhóm thực vật nếu không sẽ bị rối khi phân chia.

**Câu 2.** - Chim gõ kiến và chim đà điểu có các đặc điểm giống nhau là: có lông vũ, có mỏ và có cánh.

- Điểm khác nhau (đối lập) của hai loài chim này là chim gõ kiến biết bay còn đà điểu không biết bay.

**Câu 3.**  Người ta sẽ chỉ dừng sử dụng khóa lưỡng phân khi đã phân loại được triệt để các loài sinh vật.

**Câu 4**. Khi xây dựng khóa lưỡng phân, người ta sẽ bắt đầu bằng việc lựa chọn các đặc điểm để phân chia các loài sinh vật thành hai nhóm. Sau đó sẽ tiếp tục các làm như vậy ở các nhóm nhỏ tiếp theo cho đến khi xác định được từng loài. Cuối cùng thì sẽ lập sơ đồ phân loại các loài sinh vật.

**Câu 5**. Các đặc điểm (4), (5), (6) không phải là đặc điểm phân loại nên để phân loại mèo, thỏ, chim bồ câu, ếch ta cần các đặc điểm sau

(1) Biết bay hay không biết bay

(2) Có lông hay không có lông

(3) Ăn cỏ hay không ăn cỏ

**Bài 27 Vi Khuẩn**

**Câu 1:** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò của vi khuẩn.

A. Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

B. Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.

C. Mọi vi khuẩn đều có lợi cho tự nhiên và đời sống con người.

D. Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

**Câu 2:**Bệnh nào sau đây không phải bệnh do vi khuẩn gây nên?

A. Bệnh vàng da

B. Bệnh tiêu chảy

C. Bệnh kiết lị

D. Bệnh thủy đậu

**Câu 3:** Ba loại hình dạng điển hình của vi khuẩn là?

A. Hình que, hình xoắn, hình cầu

B. Hình lăng trụ, hình khối, hình xoắn

C. Hình cầu, hình khối, hình que

D. Hình khối, hình que, hình cầu

**Câu 4:** Vi khuẩn được cấu tạo bởi các thành phần chính nào?

A. Nhân, màng tế bào, thành tế bào, roi, long

B. Vùng nhân, tế bào chất, màng tế bào, thành tế bào

C. Vùng nhân, tế bào chất, roi, lông, thành tế bào

D. Nhân, roi, tế bào chất, màng sinh chất, lông

**Câu 5:**Vai trò quan trọng nhất của vi khuẩn trong tự nhiên là gì?

A. Sử dụng trong chế biến thực phẩm như sữa chua, dưa muối

B. Giúp ức chế vi khuẩn có hại, bảo vệ hệ tiêu hóa

C. Phân giải xác sinh vật và chất thải động vật

D. Sản xuất thuốc kháng sinh

**Câu 6:**Vì sao nói vi khuẩn là sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống?

A. Vì cấu tạo vi khuẩn chỉ gồm 1 tế bào nhân sơ

B. Vì vi khuẩn có khối lượng nhó nhất

C. Vì vi khuẩn chưa có nhân hoàn chỉnh

D. Vì vi khuẩn có kích thước nhỏ nhất

**Câu 7:** Dụng cụ nào được sử dụng để quan sát vi khuẩn.

A. Kính lúp

B. Kính soi nổi

C. Kính hiển vi

D. Kính viễn vọng

**Câu 8:** Nguyên nhân gây bệnh viêm da là?

A. Vi khuẩn tả

B. Vi khuẩn lactic

C. Vi khuẩn lao

D. Vi khuẩn tụ cầu vàng

**Câu 9:**Đặc điểm chuyển hóa và dinh dưỡng của vi khuẩn:

A. Quá trình chuyển hóa tạo ra một số chất như nội độc tố, vitamin...

B. Tất cả các vi khuẩn gây bệnh đều là vi khuẩn dị dưỡng

C. Tất cả các vi khuẩn gây bệnh đều là vi khuẩn tự dưỡng

D. Enzym ngoại bào có vai trò thực hiện quá trình chuyển hóa phức tạp

**Câu 10:**Vi khuẩn là:

A. Nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước siêu hiển vi.

B. Nhóm sinh vật có cấu tạo nhân thực, kích thước hiển vi.

C. Nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước hiển vi.

D. Nhóm sinh vật có cấu tạo nhân sơ, kích thước hiển vi.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **A** | **B** | **C** | **A** | **C** | **D** | **B** | **D** |

***TỰ LUẬN***

**Câu 1**. Vi khuẩn là gì

**Câu 2**. Phát biểu một số vai trò của vi khuẩn

**Câu 3**. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinhh cho người nhiễm vi khuẩn

**Câu 4**. Vi khuẩn được cấu tạo bởi các thành phần chính nào? Có mấy loại hình dạng điển hình của vi khuẩn ?

**Câu 5**. Vai trò quan trọng nhất của vi khuẩn trong tự nhiên là gì

**Đáp án hướng dẫn giải chi tiết**

**Câu 1.** Vi khuẩn là những cơ thể cấu tạo đơn bào, nhân sơ và có kích thước hiển vi.

**Câu 2.** - Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

-Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.

-Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng

**Câu 3**. -Chỉ sử dụng kháng sinh khi thật sự bị bệnh nhiễm khuẩn.

-Cần lựa chọn đúng loại kháng sinh và có sự hiểu biết về thể trạng người bệnh.

-Dùng kháng sinh đúng liều, đúng cách.

-Dùng kháng sinh đủ thời gian.

**Câu 4**. -Vi khuẩn được cấu tạo bởi các thành phần chính là vùng nhân, tế bào chất, màng sinh chất và đa số có thành tế bào bao ngoài màng tế bào.

- Vi khuẩn có 3 dạng điển hình là: Hình que, hình xoắn, hình cầu.

**Câu 5**. Trong tự nhiên, vi khuẩn đóng vai trò là sinh vật phân giải có nhiệm vụ quan trong bậc nhất là phân giải xác sinh vật và chất thải động vật.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com